

ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP TRỰC QUAN TRONG GIẢNG DẠY *GIÁO TRÌNH TIẾNG VIỆT* CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI 1 (VNS1)

● **Bùi Thị Phương Chi**

Phương pháp trực quan là phương pháp giảng dạy quen thuộc đối với tất cả các giáo viên (GV) ngoại ngữ. Bài báo trình bày một số ưu điểm và khả năng áp dụng phương pháp này trong việc giảng dạy học viên (HV) nước ngoài ở giai đoạn đầu tại Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (ĐHKHXH&NV- ĐHQG TP.HCM); cụ thể hơn là áp dụng phương pháp trực quan khi giảng dạy *Giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài, quyển 1* (VNS1) - Nguyễn Văn Huệ (chủ biên), và giới thiệu một số kiểu bài tập có áp dụng phương pháp này.

Trong lịch sử Giáo dục học, một trong những tên tuổi gắn liền với phương pháp trực quan là Jan Amos Komensky. Ông là người đầu tiên trong lịch sử đưa ra nguyên tắc trực quan để giải thích từ mới, và được xem là người đặt nền móng cho lý luận dạy học tiên tiến hiện đại.

Trong những năm gần đây, phương pháp trực quan có nhiều biến đổi căn bản, khả năng áp dụng nó tăng lên đáng kể nhờ tiến bộ của công nghệ tin học. Các tiến bộ trong khoa học kỹ thuật, các thiết bị điện tử cho phép người thầy có nhiều lựa chọn các phương tiện phục vụ cho phương pháp này. Việc lựa chọn phương tiện phụ

thuộc vào mục đích và điều kiện giảng dạy cụ thể của GV.

1. Phương pháp trực quan là gì?

Phương pháp trực quan (visual teaching methods, *наглядные методы*) nằm trong nhóm các phương pháp lý luận dạy học tổng hợp có thể áp dụng cho tất cả các môn học trong quá trình giảng dạy và học tập. Phương pháp trực quan sử dụng trực tiếp các đồ vật, hiện tượng của thế giới xung quanh hoặc những mẫu đặc biệt (giáo trình trực quan) với mục đích giảm nhẹ quá trình tiếp thu, ghi nhớ và sử dụng các kiến thức học được vào quá trình thực tiễn¹. Có thể chia làm hai loại: *minh họa* (illustration, *иллюстрация*): sử dụng các đồ vật, hành động (có thể quan sát trực tiếp), tranh, ảnh, bảng, sơ đồ, mẫu chữ cái, cũng như âm thanh trực tiếp, và *trình chiếu* (*demonstration, show, демонстрация*): dùng các thiết bị và các máy móc để chiếu các phim dương bản, phim điện ảnh, phim video, tranh vẽ, hình ảnh đồ họa. Phương pháp trình chiếu giúp HV nhận thức một cách tổng thể, đa diện về sự vật hiện tượng, đảm bảo trong thời gian ngắn nhất HV có thể tiếp thu được lượng thông tin nhiều nhất.

Một trong những nguyên tắc cơ bản nhất của trực quan là việc học tập dựa trên hình ảnh, âm thanh cụ thể được người học tiếp nhận. Trong giáo dục học hiện nay phương pháp trực quan bao gồm những phương tiện tác động đến cơ quan thính giác, thị giác và xúc giác. Các nhà ngôn ngữ học tâm lý, các nhà sư phạm học... cho rằng trong quá trình giảng dạy GV cần kích thích tối đa các hệ thống tiếp nhận thông tin: nghe, nhìn. Trực quan trong giảng dạy sẽ huy động được tất cả các giác quan tham gia vào quá trình nhận thức. Phương pháp trực quan có thể sử dụng để giới thiệu nội dung mới của bài, hay củng cố kiến thức đã học cũng như dùng để thực hành tiếng. Trên thực tế giảng dạy, chúng tôi nhận thấy rằng việc ứng dụng phương pháp trực quan làm tăng khả năng ghi nhớ, lưu giữ thông tin, tăng động lực thực hiện quá trình giao tiếp của HV.

Phương pháp này đặc biệt có hiệu quả đối với trẻ em, lứa tuổi

1. Капитонова Т. И., Щукин А. Н., Современные методы обучения русскому языку, изд. «Русский язык», (1987), стр. 219

mà khả năng tư duy trừu tượng chưa phát triển cao, chưa có nhiều vốn sống thực tế. Nghiên cứu về phương pháp lĩnh hội và ghi nhớ kiến thức ở trẻ em, người ta nhận thấy: Nếu chỉ nghe thì lĩnh hội được 20% lượng thông tin, nếu chỉ nhìn thì lĩnh hội được 30%. Nếu phối hợp cả nghe, nhìn và hành động thì lượng thông tin tiếp thu được sẽ là 70%.

Trong việc giảng dạy ngoại ngữ, phương pháp trực quan có thể áp dụng cho HV ở tất cả các trình độ. Đặc biệt ở trình độ cơ sở, khi HV chưa tích lũy được nhiều vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp cơ bản cũng như nền tảng văn hóa của ngôn ngữ đích thì phương pháp này tỏ ra có hiệu quả rất cao.

2. Ưu điểm của phương pháp trực quan:

- *Giảm thiểu việc sử dụng ngôn ngữ trung gian trong quá trình giảng dạy:* Trong giai đoạn đầu của quá trình học tập, ngôn ngữ trung gian, chủ yếu là tiếng Anh, thường được sử dụng. Tuy nhiên, phần lớn HV của Khoa là người Hàn Quốc, trình độ tiếng Anh còn hạn chế, nên việc sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ trung gian sẽ tạo thêm khó khăn cho việc học tập của họ. Phương pháp trực quan sẽ giúp khắc phục được khó khăn này.

- *Giảm đáng kể thời gian giải thích từ vựng hay cấu trúc ngữ pháp:* với những khái niệm đơn giản, GV có thể sử dụng ngôn ngữ trung gian để giải thích (ví dụ: *nóng* – *hot*, *trễ* – *late*), nhưng với những từ phức tạp hơn như phân biệt các động từ nấu nướng như *kho*, *hấp*, *hầm*, *luộc*,... thì cách tốt nhất là miêu tả trên hình vẽ.



- *Phát triển khả năng quan sát, tạo động lực thúc đẩy quá trình giao tiếp tại lớp: Món bánh xèo, nếu giải thích bằng phương pháp miêu tả, GV phải nói “đó là một loại bánh chiên, làm bằng bột gạo, có nhân tôm, giá, thịt heo, ăn với rau sống và chấm nước mắm”. Nếu có hình vẽ rõ ràng thì chính sinh viên sẽ là những người đưa ra các nhận xét dưới sự hướng dẫn của GV bằng cách trả lời các câu hỏi gợi ý sau: Bánh này làm thế nào? Trong bánh các bạn nhìn thấy cái gì? Bánh này ăn với gì?...*

- *Kích thích trí tưởng tượng, vận dụng tối đa kinh nghiệm sống của HV: khi nhìn thấy nồi cá kho, HV sẽ nhớ lại hình ảnh họ từng nhìn thấy hoặc từng ăn thử, việc giải thích sẽ dễ dàng hơn nhiều hoặc không cần giải thích họ vẫn có thể tưởng tượng được.*

- *Giúp ghi nhớ nhanh và dễ dàng tái tạo lại hình ảnh khi ôn tập ở nhà. Một hình ảnh có màu sắc, một hành động diễn ra sinh động tại lớp luôn khiến các HV nhớ lâu hơn một từ viết lên bảng và hay một định nghĩa dài dòng.*

3. Các phương tiện trực quan

- **Bảng viết, bút viết các màu.**

- **Đồ vật** cụ thể có tại lớp học hoặc do GV mang đến (vật dụng trong lớp học: máy lạnh, quạt máy, cửa, cửa sổ, bàn, ghế, bút, sách, mắt kính, điện thoại). Số lượng các vật này tương đối nhỏ trong điều kiện lớp học.

- **Tranh ảnh, khẩu hiệu, sơ đồ, biểu mẫu, bản đồ, mô hình:** hiện nay nhờ có công cụ tìm kiếm, GV có thể tìm bất cứ hình ảnh gì trên Internet, giúp giảm thiểu quá trình chuẩn bị dụng cụ học tập. Các phương tiện này dùng để minh họa nội dung bài hay làm bài tập củng cố kiến thức. HV có thể đặt câu hỏi qua hình vẽ, miêu tả các nhân vật, đặt hội thoại.

- **Videoclip, máy chiếu, phim ảnh, máy vi tính,...:** hiện nay điện thoại, máy quay phim,... đã tích hợp cả hai chức năng thu-phát nên việc thực hiện những đoạn phim ngắn khoảng 30 giây -1 phút không phải là khó khăn. Với một máy tính có thể sử dụng cho lớp học khoảng 5-6 người. Với lớp học đông sinh viên hơn thì cần

một màn hình TV hoặc đầu máy projector.

4. Yêu cầu đối với các phương tiện trực quan

- *Chữ viết* trên bảng phải rõ ràng, trình bày lôgich, nếu không chú ý sẽ gây phân tác dụng. Tính lôgich trong việc trình bày giúp HV tự rút ra những kết luận cần thiết về các nguyên tắc ngữ pháp

- *Hình ảnh, đồ minh họa,...* phải có màu sắc, mang tính thẩm mỹ, phải rõ ràng, nêu bật được những khác biệt, càng ít chi tiết phụ càng tốt vì các chi tiết này gây mất tập trung vào điểm chính, điểm cần nhấn mạnh. Đồ dùng minh họa phải đủ lớn và đủ số lượng để cả lớp nhìn thấy rõ. Nếu không đủ lớn thì phải phát riêng cho từng HV để dễ quan sát (nhưng điều này không kinh tế vì không sử dụng được nhiều lần). Nếu không đủ cho từng HV thì cũng phải đủ cho các nhóm để đảm bảo hoạt động cho tất cả các thành viên trong lớp.

- *Nội dung* càng mang tính hài hước và bất ngờ càng tốt, Cần chú ý đặc điểm văn hóa, đặc điểm hình thể của HV trong lớp học để tránh đụng chạm đến văn hóa hay khuyết điểm về hình thể của họ.

- *Phương tiện đa chức năng*: có thể sử dụng cho nhiều đề tài khác nhau tùy theo trình độ và chủ đề

5. Một số dạng bài tập áp dụng phương pháp trực quan

Trong phạm vi của một bài báo chúng tôi chỉ có điều kiện trình bày cụ thể cách ứng dụng phương pháp trực quan để triển khai bài 1-4 trong Giáo trình VNS1.

Bài 1:

Nội dung:

- *cách chào hỏi*

- *sử dụng được các đại từ nhân xưng*

- *câu trúc "có ...không?"*

Phương tiện trực quan chính là các HV trong lớp – họ vừa là chủ thể, đối tượng vừa là phương tiện. Mặc dù trong bài 1 chỉ yêu cầu HV sử dụng đại từ ở ngôi thứ nhất và thứ hai, nhưng trong thực

tế việc đưa thêm các đại từ ở ngôi thứ ba số ít, số nhiều ngôi thứ hai và thứ ba không gây khó khăn gì cho HV; ngược lại, còn tạo thêm cơ hội cho HV thực hành và nhớ tên các bạn mình trong lớp.

GV hỏi tên HV thứ 1: *Anh tên là gì?* -> HV 1 hỏi HV 2: *Chị tên là gì?* ->GV hỏi HV 2 tên HV 1: *Anh ấy tên là gì?* -> HV thứ 2 hỏi HV thứ 3: *Em tên là gì?* -> GV hỏi HV 3 tên 2 HV 1+2: *Anh ấy và chị ấy tên là gì?/ Anh ấy tên là gì? Còn chị ấy tên là gì?*

Làm như vậy đến hết lớp, câu hỏi và câu trả lời được lặp đi lặp lại nhiều lần (*Chị tên là gì? Chị ấy tên là gì? Các anh ấy tên là gì?...).* Sau đó HV sẽ thực hành theo nhóm đến khi tất cả các HV nhớ được tên các thành viên trong lớp mình.

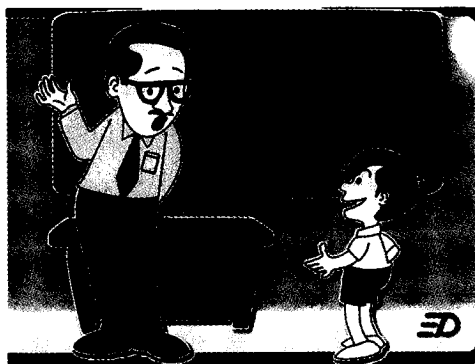
Tuy nhiên, phần lớn HV không chênh lệch nhiều về tuổi tác nên đại từ được sử dụng trong lớp chủ yếu là hai đại từ *anh/chị*. Để HV tập sử dụng các đại từ nhân xưng khác GV sử dụng phương tiện thứ hai sẽ là hình ảnh. Cái khó của việc sử dụng đại từ nhân xưng trong tiếng Việt là không biết khoảng cách tuổi thế nào để gọi là *anh/chị /cô/ chú/bác/ông/bà*. Trên hình vẽ khó đoán được người đó bao nhiêu tuổi. Để khắc phục khó khăn này GV sẽ chuẩn bị hình ảnh nam, nữ, một người hay nhiều người ở các lứa tuổi khác nhau. Ghi sẵn tên và tuổi để họ tiện sử dụng.

GV sẽ cầm từng bức ảnh lên, hỏi HV, nếu gặp người này họ sẽ chào thế nào?

Cũng dùng những hình ảnh này để trả lời câu hỏi: *Ông ấy tên*



Ông Nam (70) bà Lan (65)



Thầy Bình - em Bi (8)

là gì? Em ấy tên là gì? Thầy ấy tên là gì? v.v., Sau khi làm việc với GV, HV sẽ tự làm việc với nhau theo nhóm 2-3 người.

Cấu trúc... có... không? được trình bày trên bảng với vài ví dụ khác nhau, chẳng hạn:

Anh có khỏe không?

Cô có mệt không?

Chị có vui không?

Để tránh hiểu nhầm là trong cấu trúc này chỉ sử dụng được tính từ, GV sẽ thêm ví dụ với các loại từ khác, trước hết là động từ, không cần giải thích:

Anh có hiểu không?

Anh có học tiếng Việt không?

Trong trường hợp này một HV có kinh nghiệm học ngoại ngữ sẽ tự rút ra kết luận là có thể sử dụng các loại từ khác nhau. Còn đối với những HV khác, cứ để họ chấp nhận như vậy, vì nếu GV sa đà vào việc giải thích cấu trúc bằng các thuật ngữ ngữ pháp thì HV sẽ bị rối ngay trong buổi học đầu tiên. Không phải HV nào cũng biết thể nào là danh từ, tính từ hay động từ.

Bài 2.

- *Hỏi quốc tịch*

- *Cấu trúc "... phải không?"*

- *Đại từ nhân xưng ngôi thứ 3, số nhiều.*

Để HV có dịp nhắc lại nhiều lần tên các nước khác nhau mà không nhầm chán, GV có thể sử dụng ảnh những nơi nổi tiếng của các nước GV muốn giới thiệu, có thể gợi ý cho HV nói ra tên các nước này (từ 10-15 nước). Nhờ hình ảnh, GV không cần phải sử dụng ngôn ngữ trung gian. Sau khi giới thiệu tên các nước, GV ghép hình người với hình ảnh các nước để HV tự đặt câu hỏi và trả lời: *Cô ấy là người nước nào?*

Với cách này, GV có thể ôn tập cách sử dụng đại từ nhân xưng, và với những hình ghép khác nhau, số lượng thông tin gợi ý cho HV nói tăng lên rất nhiều lần. Nếu GV chỉ hỏi quốc tịch các HV

trong lớp mình thì HV chỉ sử dụng 3-4 từ chỉ tên nước.

Từ ba câu hỏi gợi ý trên HV có thể luyện tập nhiều lần câu trả lời:



Đây là Việt Nam



Cô ấy là người nước nào?
Cô ấy là người Việt, phải không?
Cô ấy là người Nhật, phải không?

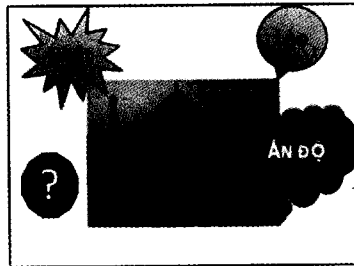
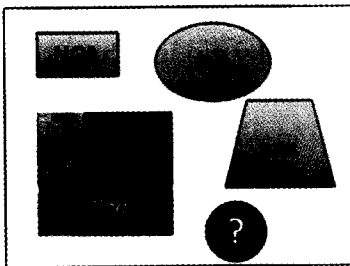
Cô ấy là người Việt.

Vâng, cô ấy là người Việt hay Không, cô ấy không phải là người Nhật. Cô ấy là người Việt.

Để củng cố kiến thức, có thể sử dụng máy tính với phần mềm *power point* để HV chọn câu trả lời đúng. Nhờ phần mềm này GV có thể kết nối với file âm thanh, chẳng hạn nếu HV chọn câu trả lời đúng, âm thanh sẽ phát ra: *Đúng rồi, nếu sai - Sai rồi, bạn chọn lại đi.*

Vi dụ: *Cô ấy là người nước nào?*

Việc chọn hình ảnh cần chú ý: nếu dùng chân dung một người



châu Âu, không có gì đặc biệt, GV có thể ghép với cảnh nhiều đất nước khác nhau (Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Nga...), nhưng nếu ảnh có những nét đặc trưng của một quốc gia thì chỉ nên ghép với cảnh một đất nước.

Bài 3: - Cách nói về nghề nghiệp

- Động từ: làm, ở

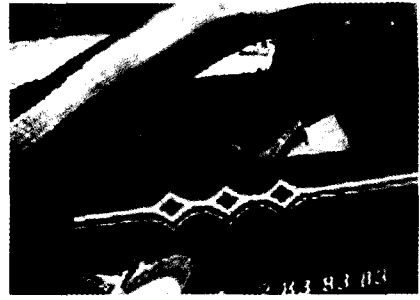
- Trạng từ: đang

Hình ảnh dùng cho chủ đề này có thể sử dụng để trả lời 3 câu hỏi:

Chị ấy làm nghề gì?

Chị ấy đang làm gì?

Chị ấy đang ở đâu/Chị ấy làm việc ở đâu?



Để HV có thể nhớ được từ mới, GV nên làm việc với cả nhóm, sau đó chia ảnh cho các nhóm 2-3 người (5-6 bức ảnh), HV thực tập với nhau, đổi ảnh giữa các nhóm. Một bộ ảnh khoảng 10 bức, làm thành 2 bộ, có thể chia cho 4 nhóm.

Sau khi các nhóm làm việc với nhau, GV có thể gọi vài HV lên đứng cạnh bàn GV để chọn bức ảnh phù hợp với nghề mà GV nói. Ví dụ: GV: *thư ký* -> HV cầm bức ảnh cô thư ký giờ lên cho mọi người, GV: *Cô ấy đang lái xe* -> HV cầm bức ảnh có cô tài xế taxi giờ lên. Khi HV thực hiện xong bài tập này, cả lớp vỗ tay chúc mừng HV này đã thực hiện xong một bài tập khó. Loại bài tập này ngoài việc củng cố vốn từ vựng cho HV, còn luyện khả năng nghe của HV.

Cần chú ý không nên cung cấp quá nhiều từ vựng một lúc.

Ngày đầu tiên cung cấp cho HV tên của một số ngành nghề, buổi học sau dùng các hình ảnh này để ôn tập và cung cấp thêm các động từ gắn với những nghề đó và nơi làm việc.

Bài 4: - Cách nói địa chỉ

- Cách hỏi về khả năng ngoại ngữ

Để luyện tập cách nói địa chỉ, ngoài việc hỏi địa chỉ nhà của HV, GV có thể sử dụng danh thiếp hoặc tờ quảng cáo của một số nơi nổi tiếng như ngân hàng, nhà hàng, tiệm may, trường đại học,... Việc sử dụng danh thiếp hay quảng cáo một số dịch vụ để HV thực thành nói có hai mục đích: luyện tập cách đọc số nhà, đọc tên đường, và giới thiệu một số địa chỉ dịch vụ cần thiết cho HV. Tuy nhiên, cần chú ý lựa chọn những danh thiếp rõ ràng, không có nhiều từ mới, nếu cần có thể viết thêm thông tin để HV dễ hiểu, Ví dụ: trên danh thiếp tiệm quần áo MIRO chỉ có chữ **MIRO collection** và địa chỉ, GV có thể viết thêm chữ *Tiệm quần áo*. Ngoài ra GV cũng cần hướng dẫn HV chỉ chú ý đến 2 thông tin: ai/cái gì và ở đâu.

Muốn hỏi về khả năng ngoại ngữ GV sử dụng câu trúc:

Anh nói tiếng... được không?

Sau khi giải thích cách sử dụng động từ **được** để hỏi về một khả năng, GV sẽ hỏi sinh viên về khả năng ngoại ngữ của họ, thay thế động từ *nói* bằng những động từ khác như *đọc, viết, nghe, hiểu*. Để ôn tập tên các thứ tiếng, GV sử dụng lại hình trong bài 2 (nói về quốc tịch):

- Ông ấy nói tiếng Pháp được không?

- Dạ, được. Ông ấy là người Pháp.

Câu trúc... *được không?* không chỉ dùng để hỏi về khả năng ngoại ngữ, mà còn để hỏi về một số khả năng khác (*lái xe, sửa điện, cắt tóc, chụp hình, nấu ăn...*). Vì vậy GV sử dụng lại hình ảnh nói về các nghề trong bài 3 để hỏi về khả năng đồng thời ôn tập các động từ đã học trong bài 3.

Ví dụ: *- Anh ấy hát được không?*

PHÁP



- (Dạ) được. Anh ấy là ca sĩ

Để đạt được hai mục đích: HV vừa biết cách hỏi về khả năng ngoại ngữ vừa ôn tập cách nói quốc tịch hay vừa nói về khả năng ngoại ngữ vừa ôn tập cách nói về nghề nghiệp, GV cần hỏi trước và hướng dẫn HV cách trả lời, sau đó hai HV sẽ tự hỏi và trả lời.

Từ phân tích cách sử dụng hình ảnh, vật dụng để giải thích ngữ pháp, mở rộng từ vựng cũng như luyện tập cách sử dụng một số cấu trúc ngữ pháp trong 4 bài trên, GV thấy rằng một phương tiện trực quan có thể sử dụng nhiều lần với nhiều mục đích khác nhau, góp phần đa dạng hóa loại hình hoạt động trong lớp (làm việc tập thể, làm việc với GV, làm việc theo nhóm) tạo cơ hội cho HV nghe và nói nhiều hơn.

Ngoài hình ảnh, vật dụng được trình bày trên, GV có thể sử dụng những phương tiện khác như *bản đồ* cho bài số 9 (VSL1) nói về cách chỉ đường (dùng bản đồ thật hoặc bản đồ vẽ đơn giản hơn): HV nhìn bản đồ và chỉ đường hoặc chỉ đường cho một HV khác vẽ trên bảng sơ đồ hướng dẫn đến một địa điểm nào đó. *Các tờ quảng cáo* sản phẩm của các siêu thị, giới thiệu món ăn trên báo sẽ là dụng cụ giảng dạy tốt cho bài số 11 với chủ đề ăn uống. Để giúp HV dễ nhớ tên các động từ nấu nướng, dụng cụ nhà bếp và tên món ăn, GV có thể in tên món ăn, tên vật dụng nhà bếp, cắt rời ra, rồi yêu cầu HV ghép với hình thích hợp. Sau đó HV sẽ hỏi và trả lời: *Chảo dùng để làm gì? -> Chảo dùng để chiên-> Chiên gì? Chiên cá, chiên trứng...* Để tạo thêm ấn tượng về các món ăn GV có thể sử dụng những đoạn phim ngắn 30 giây - 1 phút quay cách làm vài

món ăn như *bánh xèo, bánh cuốn* chiếu trên máy tính hoặc ti vi lắp đặt trong lớp học. Cuối cùng HV dùng những hình ảnh về các món ăn để HV thực hành gọi món ăn trong nhà hàng. Do phạm vi của báo cáo chúng tôi không có điều kiện trình bày hết tất cả các dạng bài tập áp dụng cho toàn bộ các bài trong quyển sách này.

Kết luận:

Việc học ngoại ngữ muốn đạt kết quả tốt cần phải tạo bầu không khí học tập vui vẻ, thoải mái, các loại hình hoạt động trong lớp phải đa dạng. Phương tiện trực quan là công cụ hữu hiệu giúp GV thay đổi không khí trong lớp học, khuyến khích tính tích cực của HV khi họ hoạt động trong nhóm. Việc chọn phương tiện nào để đạt mục đích gì, giải thích thêm những gì, trong khi sử dụng các phương tiện trực quan cần phải được cân nhắc kỹ và chuẩn bị trước, tránh làm rối thêm cho HV hoặc mất thời gian cho các khâu chuẩn bị trên lớp. Các phương tiện cần đảm bảo tính thẩm mỹ và xác thực, đủ rõ cho tất cả HV trong lớp. Phương pháp trực quan có thể áp dụng cho hầu hết tất cả các bài trong sách VSL1, VSL2.

Tài liệu tham khảo:

1. David Nunan, *Language Teaching Methodology: A Textbook for Teachers*, English Language Teaching Prentice Hall, 1991
2. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Giáo dục, in lần thứ 12, 2006
3. Jane Willis, *Teaching English through English*, A course classroom Language and Techniques, Longman, 1980
4. Nguyễn Văn Huệ (chủ biên), *Giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài, quyển 1*, NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2006 (VSL1)
5. Penny Ur, *A Course in Language Teaching – Practice and Theory*, Cambridge University Press, 1996
6. Власова Н.С., Алексеева Н.Н и др., *Практическая методика преподавания русского языка на начальном этапе*, М. Русский язык, 1990
7. *История образования и педагогической мысли за рубежом и в России*. – М., – 2001
8. Капитонова Т.И., Щукин А.Н., *Современные методы обучения русскому языку*, изд. «Русский язык», 1987
9. Очирова Н. П. *Наглядность в обучении языкам сопоставительным методом. II* Интернет-журнал "Эйдос". - 2008. - 16 мая.